TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/DS-ST.
Ngày: 01/7/2019.
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Suốt.

2. Ông Lâm Kim Mến.

Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Số 341 ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* 1/ Ông Nguyễn Văn N (vắng mặt).

2/ Bà Trần Thị P (P) (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2018, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn B trình bày:

Vào ngày 07/5/2016 ông có bán thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc xử lý cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P (P). Trong quá trình mua bán giữa ông B và ông N, bà P có tổng kết các khoản nợ thành 02 đợt, cụ thể:

Đợt 1: Từ ngày 07/5/2016 số tiền nợ là 34.104.000 đồng.

Đợt 2: Từ ngày 17/8/2016 số tiền nợ là 20.728.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ hai đợt nêu trên là 54.832.000 đồng. Sau đó, ông N và bà P trả được 11.000.000 đồng, còn nợ số tiền 43.832.000 đồng (trong đó bao gồm tiền mua

thức ăn là 40.762.000 đồng và tiền mua con giống là 3.070.000 đồng). Ông B có yêu cầu ông N và bà P trả nợ nhưng ông N và bà P không trả.

Nay ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P trả cho ông tiền nợ mua thức ăn là 40.762.000 đồng và tiền mua con giống là 3.070.000 đồng. Tổng cộng là 43.832.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 09/4/2019, bị đơn bà Trần Thị P (P) trình bày:* Vào ngày 07/5/2016 bà P và ông N có mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc xử lý của ông B, mua nhiều lần và số tiền nợ là 54.832.000 đồng, bà P và ông Ncó trả cho ông B được 14.070.000 đồng, còn nợ lại 40.762.000 và nợ tiền mua tôm giống là 3.070.000 đồng. Nay bà P thừa nhận bà và ông N còn nợ của ông B tổng số tiền là 43.832.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên bà P yêu cầu ông B cho bà và ông N được trả dần số tiền 43.832.000 đồng với cách thức trả mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn N theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng ông N không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông N cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P (P) chưa chấp hành các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P phải trả số tiền 43.832.000 đồng. Buộc ông N và bà P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B 43.832.000 đồng và tuyên trách nhiệm chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B và bị đơn bà Trần Thị P thống nhất xác định: Tên bị đơn Trần Thị T do ông B cung cấp theo đơn khởi kiện là không chính xác, tên chính xác là Trần Thị P (thường gọi là P). Nên Hội

đồng xét xử thống nhất xác định tên bị đơn Trần Thị T là không chính xác và xác định lại bị đơn là bà Trần Thị P (tên thường gọi là P).

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P.

Về nội dung vụ án:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P trả cho ông số tiền nợ mua bán với tổng số tiền là 43.832.000 đồng (trong đó gồm tiền nợ mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc xử lý là 40.762.000 và nợ mua tôm giống là 3.070.000 đồng), không yêu cầu tính lãi. Bà Trần Thị P thừa nhận hiện nay vợ chồng bà và ông N còn nợ của ông B tiền mua thức ăn nuôi tôm là 40.762.000 đồng và nợ số tiền mua tôm giống là 3.070.000 đồng, tổng cộng số nợ là 43.832.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Ông Nguyễn Văn B đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn nuôi tôm và tôm giống cho bên mua là ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P. Ông N và bà P đã nhận đủ tài sản do ông B chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng ông N và bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông B theo thỏa thuận. Hiện nay, ông N và bà P còn nợ của ông B số tiền là 43.832.000 đồng. Như vậy, ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Nên yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Văn B do vi phạm nghĩa vụ thanh toán với số tiền là 43.832.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P (P) phải trả số tiền 43.832.000 đồng;

[2] Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P (P) phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền 43.832.000 đồng (bốn mươi ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng).

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P (P) chậm trả số tiền nêu trên cho ông Nguyễn Văn B, thì ông N và bà P phải liên đới trả lãi đối với số tiền trả chậm với lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P (P) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.191.600 đồng (hai triệu một trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Văn B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.095.000 đồng theo biên lai thu số 0005378 ngày 07/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Ái Mỹ